

Số : 85/QĐ-XLDK

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 28/5/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi một số nội dung và ban hành “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” như đính kèm:

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Tổng giám đốc, Trưởng các Ban/Phòng của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, BKS; Ban TGD (e-copy);
- Người phụ trách CBTT TCT (e-copy);
- Lưu: HĐQT, TCHC, VT.

naur

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
*
Nghiem Quang Huy

**TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 84/NQ-XLKD-ĐHĐCĐ ngày
28/5/2026)*

Hà Nội, tháng 5 năm 2026

3/5
VN
V
/

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là cơ sở pháp lý quy định và chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 84/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 28/5/2026.

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán của Tổng công ty và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

e. "Tổng công ty" là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Công ty mẹ trong tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, là một trong các hình thức của nhóm công ty, có chức năng trực tiếp sản xuất - kinh doanh và đầu tư vào các doanh nghiệp khác, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn góp/đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết.

f. "Nhóm các Doanh nghiệp Tổng công ty" là tổ hợp các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, bao gồm:

- Công ty mẹ - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty thành viên của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

g. "Công ty con của Tổng công ty" là các công ty có vốn góp của Tổng công ty và do Tổng công ty nắm giữ quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, Tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

h. "Công ty thành viên của Tổng công ty" là các doanh nghiệp do Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối, hoặc giữ quyền chi phối.

i. "Công ty liên kết của Tổng công ty" là công ty mà Tổng công ty sở hữu cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận và hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Tổng công ty. Công ty liên kết của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hoạt động ở nước ngoài.

j. "Quyền chi phối" là quyền của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;
- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

k. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối" là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của một doanh nghiệp.

l. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

m. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

n. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

o. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

p. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

q. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

r. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

• Tên tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

• Tên tiếng Anh:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

• Tên giao dịch: **PV CONSTRUCTION J.S.C**

• Tên viết tắt tiếng Anh: **PETROCONS**

• Biểu tượng Logo:



• Mã chứng khoán của Tổng công ty là: PVX

2. Tổng công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam và theo Điều lệ này.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

• Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

• Điện thoại: 024.37689291, 37689293, 37689294

• Fax: 024.37689290

• E-mail: info@petrocons.vn; info@pvc.vn

• Website: petrocons.vn

4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty: Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định nội dung này.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Các chi nhánh và văn phòng đại diện của Tổng công ty:

Tổng công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với các quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình điện;
 - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
 - Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
 - Xây dựng công trình thủy;
 - Xây dựng công trình khai khoáng;
 - Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- + Xây dựng công trình thể thao ngoài trời;
- + Thi công các công trình giao thông, thủy lợi;
- + Thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển), các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển;
- + Xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè, bến cảng;
- + Đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Đầu tư xây dựng: Các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ;
- + Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng;
- + Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;

- Quảng cáo;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký);
 - Khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
 - Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp (chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề);
 - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
 - Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp.
 - Kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp;
 - Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại: Chi tiết:
 - Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi;
 - Gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp;
 - Thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chip áp lực và hệ thống ống công nghệ;
 - Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác;
 - Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
 - Chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
 - Đóng tàu và cấu kiện nổi:
 - Đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
 - Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp:

- Lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa, bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp;

- Lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;

• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:

- Kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở;

- Kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật;

• Sản xuất bê tông thương phẩm;

• Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Kinh doanh bê tông thương phẩm;

- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí;

- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng;

• Chuẩn bị mặt bằng:

- Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);

- San lấp mặt bằng;

• Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);

• Sản xuất vật liệu xây dựng;

• Sản xuất công nghiệp;

• Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

• Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp;

• Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại;

• Sản xuất hóa chất cơ bản;

• Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

• Tái chế phế liệu.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là: Phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động xây lắp chuyên ngành dầu khí, sản xuất, đầu tư và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật; đổi mới tổ chức sản xuất, công tác quản lý, quản trị Tổng công ty, khai thác tối đa các nguồn lực của Tổng công ty, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích

cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

2. Tổng công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Vào ngày thông qua Điều lệ này tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Đối với yêu cầu tại điểm b và điểm c khoản này, yêu cầu cổ đông/nhóm cổ đông phải lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra (áp dụng đối với điểm c);

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công

ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: i) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này; ii) trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách “tổ chức kiểm toán được chấp thuận”; quyết định “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách “tổ chức kiểm toán được chấp thuận”; quyết định “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập

không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo thông tin trong Danh sách người sở hữu cuối cùng lập tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập và thông qua nghị quyết vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

k. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì

lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 04 (bốn) thành viên, từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được sửa đổi bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

5. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên.

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 01 (một) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc tham dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc

tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, khi một trong số các đối tượng dưới đây yêu cầu:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị ;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 50% trở lên được đề cử 03 thành viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

- d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: i) phê duyệt danh sách “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; ii) Quyết định “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty; iii) bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những

nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên

có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho Người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng

công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trích lập quỹ: Tổng công ty trích lập các quỹ (quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, các quỹ khác) theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty thực hiện tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Hàng năm Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo nội dung và kế hoạch kiểm toán được Tổng giám đốc phê duyệt.

2. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” hoặc thông qua danh sách “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Giải thể công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần (30 ngày làm việc) từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Tổng công ty

- 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

**CHƯƠNG XXI.
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày 28/5/2026 tại Hà Nội; và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

DECISION

**On Amendment to the Charter on Organization and Operation of
PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation**

THE BOARD OF DIRECTORS

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Pursuant to Resolution No. 84/NQ-XLKD-ĐHĐCĐ dated 28 May 2026 of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PETROCONS);

DECISION

Article 1. To amend certain provisions of and promulgate the “Charter on Organization and Operation of Vietnam Oil and Gas Construction Joint Stock Corporation” attached hereto.

Article 2. This Decision shall take effect from the date of signing. The General Director and Heads of Departments/Divisions of the Corporation shall be responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 2;
- Board of Directors, Board of Supervisors;
Executive Board (e-copy);
- Person in charge of Information Disclosure
of the Corporation (e-copy)
- Archived: HĐQT, TCHC, VT.

NGUYEN

**FOR THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN**



[Signature]
Ngkiem Quang Huy

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK
CORPORATION**



**DRAFT CHARTER ON THE ORGANIZATION AND
OPERATION OF PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT
STOCK CORPORATION**

**(Approved by the General Meeting of Shareholders under
Resolution No. 84/NQ-XLDK-DHDCD dated 28/5/2026)**

Hanoi, May 2026

PREAMBLE

The Charter on the Organization and Operation of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation is the legal basis that regulates and governs all activities of the Corporation under the Parent - Subsidiary model.

This Charter was approved by the General Meeting of Shareholders under Resolution No. 84/NQ-DHDCD-XLDK dated 28 /5/2026.

CHAPTER I.

DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Definitions

1. In this Charter, the following terms shall be understood as follows:
 - **a. "Charter Capital"** means the total par value of shares sold by the Corporation as stipulated in Article 5 of this Charter.
 - **b. "Voting Capital"** means the share capital under which the owner has the right to vote on matters within the deciding authority of the General Meeting of Shareholders.
 - **e. "Corporation"** means PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation - the Parent Company in a group of enterprises operating under the parent-subsidiary model...
 - **f. "Group of Corporation Enterprises"** means the combination of enterprises... including:
 - The Parent Company - PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation;
 - Subsidiaries of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation;
 - Member companies of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation;
 - Affiliated companies of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation.
 - **j. "Dominant control"** means the right of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation over another enterprise, including at least one of the following:
 - Owning more than 50% of the charter capital or the total number of ordinary shares of that company;
 - Having the right to directly or indirectly decide on the appointment of the majority or all members of the Board of Directors, the Director, or the General Director of that company;
 - Having the right to decide on the amendment and supplement of the Charter of that company.
 - **m. "Executive of the enterprise"** means the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, and other executives as prescribed by the Corporation's Charter.
 - **n. "Manager of the enterprise"** means the person managing the Corporation, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and individuals holding other management positions as prescribed in the Corporation's Charter.

CHAPTER II.

NAME, FORM, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVES OF THE CORPORATION

Article 2. Name, form, headquarters, branches, representative offices, term of operation, and Legal Representative of the Corporation

1. Name of the Corporation

- **Vietnamese name:** TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
- **English name:** PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
- **Transaction name:** PV CONSTRUCTION J.S.C
- **English abbreviation:** PETROCONS
- **Logo:**



- **The Stock Ticker of the Corporation is:** PVX

2. Form of Operation: The Corporation operates as a Joint Stock Company with legal entity status in accordance with the current laws of Vietnam and this Charter.

3. Registered Headquarters of the Corporation:

- **Head office address:** 14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Tower, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.
- **Telephone:** 024.37689291, 37689293, 37689294
- **Fax:** 024.37689290
- **E-mail:** info@petrocons.vn; info@pvc.vn
- **Website:** petrocons.vn

4. Legal Representative of the Corporation: The Corporation has one (01) legal representative. The Chairperson of the Board of Directors or the General Director shall serve as the legal representative of the Corporation. The Board of Directors of the Corporation shall decide on this matter. The powers and obligations of the Legal Representative are stipulated in Articles 12 and 13 of the Law on Enterprises.

5. Branches and representative offices of the Corporation:

The Corporation may establish branches and representative offices in its business locations to achieve its objectives, in accordance with resolutions of the Board of Directors and within the limits permitted by law.

6. Unless terminated prior to its term in accordance with Clause 2, Article 53, the operating term of the Corporation shall commence from the date of establishment and shall be indefinite.

CHAPTER III

OBJECTIVES, BUSINESS SCOPE AND OPERATIONS OF THE CORPORATION

Article 3. Objectives of the Corporation

1. The business lines of the Corporation include:

- Technical testing and analysis;
- Construction of public utility works;
- Construction of power works;
- Construction of water supply and drainage works;
- Construction of telecommunications and communication works;
- Construction of other public utility works;
- Construction of other civil engineering works
- Construction of hydraulic works;
- Construction of mining works;
- Construction of processing and manufacturing plants;
- Construction of other civil engineering works;
- + Construction of outdoor sports facilities;
- + Construction of transport and irrigation works;
- + Construction of oil and gas projects (onshore and offshore), industrial and civil works, river ports and seaports;
- + Construction of irrigation works, dykes, embankments and ports;
- + Investment in and construction of infrastructure projects, bridges, roads, and civil and industrial works;
- + Investment in the construction of mechanical manufacturing plants serving the oil and gas industry; shipbuilding yards for oil, gas and chemical transport vessels; offshore rig construction yards; cement plants and building materials manufacturing plants;
- + Investment in the construction and operation of road tunnel projects;
- + Investment in high technology in high-rise building construction;
- + Investment in, construction, operation and management of markets.
- Mechanical processing; treatment and coating of metals;
- Advertising;
- Organization of trade promotion and commercial introduction;
- Printing;
- Services related to printing;
- Architectural and related technical consultancy activities:
 - Design of civil and industrial construction works;
 - Consultancy on appraisal of investment projects for civil and industrial construction; project management consultancy; consultancy on preparation of bidding documents; certification of conformity with construction quality standards (only carried out when meeting capacity conditions in accordance with the law and within the scope of registered practice certificates);
 - Survey, design and consultancy for investment in small- and medium-scale civil and industrial construction works (only carried out when meeting legal capacity requirements);
 - Consultancy for investment in oil and gas, civil and industrial construction projects (only carried out when meeting legal capacity requirements and practice certificates);

- Technical inspection and analysis, testing of mechanical, physical, chemical samples and construction materials;
- Market research and public opinion polling (excluding investigation and information services prohibited by the State);
 - Technology transfer consultancy in the fields of construction and industrial production;
 - Trading and installation of fire prevention and firefighting equipment;
 - Import-export trading of materials and equipment for petroleum construction; general trading and services;
 - Transportation of oil, liquefied gas and chemicals;
- Manufacture of metal structures:
- Details:
 - Manufacture of mechanical products; anti-corrosion treatment of metals; maintenance and repair of offshore platforms' jackets, vessels and floating structures;
 - Threading of pipes; manufacture of couplings, connectors and accessories for drilling, oil and gas exploitation and industrial use;
 - Design and manufacture of storage tanks for petroleum, liquefied gas, water; pressure vessels and process piping systems;
 - Fabrication and installation of offshore platform jackets and other metal structures;
 - Manufacture and supply of drill pipes, casing pipes, couplings, connectors and accessories for oil and gas and industrial sectors;
 - Mechanical fabrication serving the oil and gas industry, shipbuilding, and operation of river ports and seaports;
- Shipbuilding and floating structures:
 - Construction of onshore and offshore drilling rigs;
 - Construction of oil, gas and chemical transport vessels (excluding design of transport vehicles);
- Installation of machinery and industrial equipment:
 - Installation, maintenance and repair of oil and gas facilities, offshore platform jackets, metal structures, storage tanks, pressure vessels and process systems, as well as civil and industrial works;
 - Installation of technological machinery systems, control equipment and automation systems in industrial plants;
 - Installation of power transmission lines up to 35kV and other civil and industrial electrical systems;
- Real estate business; land use rights owned, used or leased:
 - Real estate business: Investment in construction of industrial zones, transport infrastructure, urban development, offices, housing; construction of infrastructure projects, irrigation works, dykes, embankments, river ports, seaports, bridges, roads, civil and industrial works; urban, office, supermarket and housing business;
 - Business of housing and technical infrastructure facilities;
- Production of commercial concrete;
- Wholesale of construction materials and other installation equipment:

- Trading of commercial concrete;
- Trading of construction and petroleum materials and equipment;
- Trading of mechanical products and construction materials;
- Site preparation:
 - Drilling, blasting, mining, and industrial production (concrete plants, hydropower, gas power plants);
 - Site leveling;
- Industrial production (concrete plants, hydropower, gas power plants);
- Production of construction materials;
- Industrial manufacturing;
- Installation of water supply and drainage systems, heating and air-conditioning systems;
- Survey, maintenance, servicing and repair of oil and gas works (onshore and offshore), civil and industrial works;
- Treatment and disposal of hazardous waste;
- Production of basic chemicals;
- Other specialized wholesale not elsewhere classified;
- Technical testing and analysis;
- Recycling of scrap materials.

2. Objectives of the Corporation: The objectives of the Corporation are to develop and enhance the quality and efficiency of petroleum construction activities, production, investment and services in its business sectors and other fields in compliance with the law; to innovate its production organization, management and corporate governance; to maximize the utilization of its resources and profits; to ensure benefits for shareholders; to improve working conditions and enhance income and living standards for employees and workers; to fully fulfill obligations to the State; and to develop the Corporation in a strong and sustainable manner.

Article 4. Business scope and operations of the Corporation

1. The Corporation is permitted to plan and carry out all business activities in accordance with its registered business lines as published on the National Business Registration Portal and this Charter, in compliance with applicable laws, and to implement appropriate measures to achieve its objectives.
2. The Corporation may conduct business in other sectors permitted by law and approved by the General Meeting of Shareholders.

CHAPTER IV

CHARTER CAPITAL, SHARES

Article 5. Charter Capital and Shares

1. The Charter Capital of the Corporation is: VND 4,000,000,000,000 (Four trillion Vietnamese dong). The total Charter Capital is divided into 400,000,000 (Four hundred million) shares with a par value of VND 10,000 (Ten thousand dong) per share.
2. The Corporation may change its Charter Capital upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with applicable laws.
3. As of the date of adoption of this Charter, all shares of the Corporation are ordinary shares. The rights and obligations of shareholders holding each type of share are stipulated in Articles 10 and 11 of this Charter.
4. The Corporation may issue other classes of preference shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in compliance with applicable laws.

5. Ordinary shares shall be offered first to existing shareholders in proportion to their shareholding ratio in the Corporation, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Shares not subscribed by shareholders shall be decided by the Board of Directors. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders or other persons on terms not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.
6. The Corporation may repurchase shares it has issued in accordance with this Charter and applicable laws.
7. The Corporation may issue other types of securities in accordance with the law.

Article 6. Share Certificates

1. Shareholders of the Corporation shall be issued share certificates corresponding to the number and type of shares they own.
2. A share certificate is a security confirming the lawful rights and interests of its holder in respect of a portion of the share capital of the issuing organization. Share certificates must contain all information as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.
3. Within 30 (thirty) days from the date of submission of a complete dossier requesting transfer of share ownership in accordance with the Corporation's regulations, or within the issuance period stipulated in the share issuance plan from the date of full payment for shares, the shareholder shall be issued a share certificate. The shareholder shall not be required to pay the cost of printing the share certificate.
4. In case a share certificate is lost, damaged or destroyed in any form, the shareholder shall be re-issued a share certificate upon request. The request must include the following:
 - a. Information on the lost, damaged or destroyed share certificate;
 - b. A commitment to take responsibility for any disputes arising from the re-issuance of the new certificate.

Article 7. Other securities certificates

Bond certificates or other securities certificates issued by the Corporation must bear the signature of the legal representative and the seal of the Corporation.

Article 8. Transfer of shares

All shares are freely transferable unless otherwise provided by this Charter or applicable laws. Listed or registered shares on a stock exchange shall be transferred in accordance with securities laws and regulations.

Shares that have not been fully paid shall not be transferred and shall not enjoy related rights such as the right to receive dividends, the right to receive bonus shares issued from equity capital, the right to subscribe for newly issued shares, and other rights in accordance with applicable laws.

CHAPTER V

ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND SUPERVISION OF THE CORPORATION

Article 9. Organizational structure, management and supervision

The organizational structure for management and supervision of the Corporation includes:

1. The General Meeting of Shareholders;
2. The Board of Directors;

3. The Supervisory Board;
4. The General Director (CEO).

CHAPTER VI

SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 10. Rights of shareholders

1. Shareholders are the owners of the Corporation and have rights and obligations corresponding to the number and type of shares they hold. Shareholders are only liable for the debts and other financial obligations of the Corporation within the amount of capital they have contributed to the Corporation.

2. Ordinary shareholders have the following rights:

- a. To attend and speak at General Meeting of Shareholders and exercise voting rights directly or through authorized representatives or other forms as prescribed by law. Each ordinary share carries one vote;
- b. To receive dividends at a rate decided by the General Meeting of Shareholders;
- c. To have pre-emptive rights to subscribe for new shares in proportion to their ownership of ordinary shares in the Corporation;
- d. To freely transfer their shares to others, except in cases stipulated in Clause 3, Article 120 and Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;
- d. To examine, look up and extract information on names and contact addresses in the list of voting shareholders; to request correction of inaccurate information;
- e. To examine, look up, extract or copy the Charter of the Corporation, minutes of General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
- g. Upon dissolution or bankruptcy of the Corporation, to receive a portion of the remaining assets corresponding to their shareholding ratio;
- h. To request the Corporation to repurchase shares in cases stipulated in Article 132 of the Law on Enterprises;
- i. To be treated equally. Each share of the same class confers equal rights, obligations and benefits. Where the Corporation issues preference shares, the rights and obligations attached thereto must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;
- k. To have full access to periodic and extraordinary information disclosed by the Corporation in accordance with the law;
- l. To have their lawful rights and interests protected; to request suspension or annulment of resolutions or decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises;
- m. Other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Shareholders or a group of shareholders holding 5% or more of the total ordinary shares shall have the following rights:

- a. To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with Clauses 3 and 4, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises. The request must be made in writing and bear the full signatures of the relevant shareholders;
- b. To examine, look up, and extract minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors, and other documents, except for those related to trade secrets or business secrets of the Corporation;

c. To request the Supervisory Board to inspect specific matters relating to the management and operation of the Corporation when deemed necessary.

For requests specified in Points b and c of this Clause, the request must be made in writing, signed by all relevant shareholders, and must include the following contents: full name, contact address, nationality, and legal identification number for individual shareholders; name, enterprise code or legal identification number, and head office address for organizational shareholders; number of shares and date of share registration of each shareholder, total number of shares of the group and ownership ratio in the total shares of the Corporation; matters to be inspected and purpose of inspection (applicable to Point c);

d. To propose matters for inclusion in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposals must be made in writing and sent to the Corporation at least 03 (three) working days prior to the opening date of the meeting. The proposal must clearly state the shareholder's name, number of shares of each class held, and the matters proposed for inclusion in the meeting agenda;

e. Other rights as prescribed by law and this Charter.

4. Shareholders or a group of shareholders holding 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board. The nomination shall be carried out as follows:

a. Ordinary shareholders forming a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board must notify attending shareholders of the group meeting prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b. Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders specified in this Clause shall have the right to nominate one or more candidates in accordance with Clause 2, Article 23 and Clause 2, Article 34 of this Charter. In case the number of candidates nominated by such shareholders or groups is fewer than the number they are entitled to nominate as decided by the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board and other shareholders.

5. An organization that is a shareholder of the Corporation holding at least 10% of the total ordinary shares may authorize up to 04 representatives

Article 11. Obligations of shareholders

Ordinary shareholders shall have the following obligations:

1. To fully and timely pay for the shares committed to purchase.
- 2.
3. Not to withdraw the contributed capital represented by ordinary shares from the Corporation in any form, except where such shares are repurchased by the Corporation or another party. In case a shareholder withdraws part or all of the contributed capital in violation of this provision, such shareholder and related persons shall be jointly liable for the debts and other property obligations of the Corporation within the value of the withdrawn shares and for any damages incurred.
4. To comply with the Charter and internal management regulations of the Corporation.
5. To comply with resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
6. To keep confidential information provided by the Corporation in accordance with the Charter and the law; to use such information only for exercising and protecting their

lawful rights and interests; and not to disclose, copy or transfer such information to any other organization or individual.

7. To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through the following forms:
 - a. Attending and voting directly at the meeting;
 - b. Authorizing another individual or organization to attend and vote at the meeting;
 - c. Attending and voting via online meeting, electronic voting or other electronic means;
 - d. Sending voting ballots to the meeting by mail, fax or email;
8. To bear personal responsibility when acting in the name of the Corporation in any of the following cases:
 - a. Violating the law;
 - b. Conducting business or other transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;
 - c. Making payments of debts not yet due that may create financial risks for the Corporation.
9. To fulfill other obligations as prescribed by applicable laws.

Article 12. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders consists of all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Corporation. The General Meeting of Shareholders shall convene annually once per year within 04 (four) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may decide to extend the convening of the Annual General Meeting of Shareholders when necessary, but not exceeding 06 (six) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, extraordinary meetings may be convened. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined as the location where the chairperson attends the meeting and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and select an appropriate venue. The Annual General Meeting of Shareholders shall decide on matters in accordance with the law and the Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In case the audit report on the Corporation's annual financial statements contains material qualifications, adverse opinions, or disclaimers, the Corporation must invite a representative of the "approved auditing organization" that conducted the audit to attend the Annual General Meeting of Shareholders, and such representative shall be responsible for attending the meeting.

3. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

- a. The Board of Directors deems it necessary for the interests of the Corporation;
- b. The number of remaining members of the Board of Directors or the Supervisory Board is less than the minimum number as prescribed by law;
- c. The number of members of the Board of Directors decreases by more than one-third (1/3) compared to the number stipulated in the Charter of the Corporation, or the number of independent members of the Board of Directors falls below the required ratio as prescribed in Article 24 of this Charter;
- d. Upon request of a shareholder or a group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 10 of this Charter;
- e. Upon request of the Supervisory Board;

f. Other cases as prescribed by law and the Charter of the Corporation.

4. Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders:

- a. The Board of Directors must convene an Extraordinary General Meeting of Shareholders:
- i) Within thirty (30) days from the date of occurrence of the cases specified at Point b, Clause 3 of this Article or upon receipt of a request for convening a meeting as specified at Points d and d, Clause 3 of this Article; ii) Within sixty (60) days from the date of occurrence of the case specified at Point c, Clause 3 of this Article;
- b. In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated at Point a, Clause 4 of this Article, within the following thirty (30) days, the Supervisory Board shall replace the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;
- c. In case the Supervisory Board fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated at Point b, Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders specified at Point d, Clause 3 of this Article shall have the right to request the company's legal representative to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with the Law on Enterprises.

In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the business registration authority to supervise the order and procedures for convening, conducting the meeting and issuing resolutions of the General Meeting of Shareholders. All expenses for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Corporation. These expenses do not include costs incurred by shareholders when attending the meeting, including accommodation and travel expenses.

d. Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 13. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:
- a. To approve the development orientation of the Corporation;
 - b. To decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; to decide on the annual dividend rate for each type of shares;
 - c. To elect, remove from office or dismiss members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board;
 - d. To decide on investment or the sale of assets with a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Corporation;
 - e. To decide on amendments and supplements to the Charter of the Corporation;
 - f. To approve annual financial statements;
 - g. To decide on the repurchase of more than 10% of the total issued shares of each class;
 - h. To review and handle violations committed by members of the Board of Directors and the Supervisory Board that cause damage to the Corporation and its shareholders;
 - i. To decide on the reorganization or dissolution of the Corporation;
 - j. To decide on the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board.
 - k. To approve the Internal Regulations on Corporate Governance of the Corporation; the Operating Regulations of the Board of Directors; and the Operating Regulations of the Supervisory Board;

l. To approve the list of “approved auditing firms”; to decide on the “approved auditing firm” to audit the Corporation’s operations; and to dismiss an approved auditor when deemed necessary;

m. Other rights and obligations as prescribed by law.

2. The General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a. The Corporation’s annual business plan;

b. The audited annual financial statements;

c. Reports of the Board of Directors on governance and performance of the Board of Directors and each of its members;

d. Reports of the Supervisory Board on the Corporation’s business performance and the performance of the Board of Directors and the General Director;

d. Self-assessment reports of the Supervisory Board and its members;

e. Dividend rate for each type of share;

g. Number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

h. Election, removal from office, or dismissal of members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

i. Decision on the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

k. Approval of the list of “approved auditing firms”; decision on the “approved auditing firm” to audit the Corporation’s activities when deemed necessary;

l. Amendments and supplements to the Charter of the Corporation;

m. Types of shares and number of new shares to be issued for each class and the transfer of shares of founding shareholders within the first three (03) years from the date of establishment;

n. Division, separation, consolidation, merger or conversion of the Corporation;

o. Reorganization and dissolution (liquidation) of the Corporation and appointment of liquidators;

p. Decision on investment or sale of assets valued at 35% or more of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Corporation;

q. Decision on repurchase of more than 10% of the total issued shares of each class;

r. Approval of contracts and transactions between the Corporation and parties specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises with a value equal to or greater than 35% of the total assets of the Corporation as recorded in the most recent financial statements;

s. Approval of transactions specified in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing a number of articles of the Law on Securities;

t. Approval of the Internal Regulations on Corporate Governance, the Operating Regulations of the Board of Directors, and the Operating Regulations of the Supervisory Board;

u. Other matters as prescribed by law and this Charter.

3. All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 14. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders or authorized representatives of institutional shareholders may attend the meeting in person or authorize one or more individuals or organizations to attend, or participate via forms specified in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises.

2. The authorization must be made in writing in accordance with civil law and must specify the name of the authorizing shareholder, the authorized individual/organization,

number of shares authorized, scope and duration of authorization, and signatures of both parties.

The authorized person must submit the authorization letter upon registration for attendance. In case of re-authorization, the attendee must present the original authorization document of the shareholder or the authorized representative of the institutional shareholder (if not previously registered with the Corporation).

3. Voting ballots of authorized representatives shall remain valid within the scope of authorization even in the following cases, except where:
 - a. The authorizing person has died, lost or had restricted civil act capacity;
 - b. The authorizing person has revoked the authorization;
 - c. The authorizing person has revoked the authority of the authorized person.

This provision shall not apply if the Corporation has received notice of such events before the opening of the meeting or before the reconvened meeting.

Article 15. Changes to rights

1. Any amendment or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall be valid when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all attending shareholders. A resolution adversely affecting the rights and obligations of preferred shareholders shall only be passed if approved by shareholders holding at least 75% of the total preferred shares of that class attending the meeting or by written approval of shareholders holding at least 75% of such shares.
2. A meeting of shareholders holding a particular class of preferred shares to approve such changes shall be valid only when attended by at least two (02) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the total par value of issued shares of that class.

If the quorum is not met, the meeting shall be reconvened within 30 days, and all attending shareholders of that class (regardless of number or shareholding) shall constitute a valid quorum.

At such meetings, shareholders present in person or via authorized representatives may request secret ballot voting. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Procedures for conducting such separate meetings shall be carried out in accordance with the provisions set out in Articles 17, 18 and 19 of this Charter.
4. Unless otherwise stipulated in the terms of issuance of shares, the special rights attached to preferred shares with respect to some or all matters relating to profit distribution or the Company's assets shall not be altered when the Company issues additional shares of the same class.

Article 16. Convening of Meetings, Agenda and Notice of Invitation to the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene annual and extraordinary General Meetings of Shareholders. The Board of Directors shall convene extraordinary General Meetings of Shareholders in the cases specified in Clause 3, Article 12 of this Charter.
2. The person convening the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:
 - a. Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the meeting shall be prepared no more than 10 (ten) days before the date of sending the meeting invitation notice; the

Company must disclose information on the preparation of such list at least 20 (twenty) days before the record date;

- b. Prepare the agenda and contents of the meeting;
- c. Prepare documents for the meeting;
- d. Draft resolutions of the General Meeting of Shareholders corresponding to the proposed agenda;
- e. Determine the time and venue of the meeting;
- f. Notify and send the invitation notice to all shareholders entitled to attend;
- g. Perform other tasks serving the meeting.

3. The notice of invitation to the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method that ensures delivery to the contact address of shareholders as recorded in the list of beneficial owners as of the record date provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC), and shall simultaneously be published on the Company's website, the State Securities Commission, and the Stock Exchange where the Company's shares are listed/registered for trading.

The convener must send the invitation notice to all shareholders in the list of shareholders entitled to attend at least 21 (twenty-one) days prior to the meeting date (calculated from the date the notice is validly sent). The meeting agenda and documents related to matters to be voted on shall be sent to shareholders and/or published on the Company's website.

Where documents are not enclosed with the notice, the invitation must clearly state the link to access all meeting documents, including:

- a. Meeting agenda and documents used at the meeting;
- b. List and detailed information of candidates in case of election of members of the Board of Directors or the Supervisory Board;
- c. Ballots;
- d. Form of proxy authorization;
- e. Draft resolutions for each agenda item

4. Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 3, Article 10 of this Charter have the right to propose additional items to the meeting agenda. Such proposals must be made in writing and sent to the Company no later than 03 (three) working days before the opening date of the meeting, clearly stating the shareholder's name, number of shares of each type held, and the proposed agenda item.

5. The convener of the General Meeting of Shareholders has the right to reject proposals specified in Clause 4 of this Article in the following cases:

- a. The proposal is not submitted in accordance with Clause 4 of this Article;
- b. At the time of proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold at least 5% of total ordinary shares as required under Clause 3, Article 10 of this Charter;
- c. The proposed matter does not fall within the authority of the General Meeting of Shareholders;
- d. Other cases as prescribed by law and this Charter.

6. The convener must accept and include valid proposals in the draft agenda and contents of the meeting, except for cases specified in Clause 5. Such proposals shall be officially included if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 17. Conditions for Holding the General Meeting of Shareholders

1. A General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending represent more than 50% of the total voting shares.

2. If the first meeting does not meet the quorum requirement, a second meeting invitation must be sent within 30 days from the originally scheduled date. The second meeting shall be conducted when shareholders attending represent at least 33% of the total voting shares.

3. If the second meeting still does not meet the quorum requirement, a third meeting invitation must be sent within 20 days from the date of the second meeting. The third meeting shall be conducted regardless of the total voting shares represented by attending shareholders.

Article 18. Procedures for Conducting Meetings and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before the opening of the meeting, the Company must carry out shareholder registration procedures and continue registration until all attending shareholders have completed registration, as follows:

a. Upon registration, each shareholder or authorized representative entitled to vote shall be issued a voting card stating the registration number, name of the shareholder, name of the authorized representative, and number of voting rights. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each agenda item. Voting shall be conducted by approval, disapproval, or abstention. At the meeting, approval votes are collected first, followed by disapproval votes, and finally the total votes are counted to determine the result. The vote counting results shall be announced by the Chairperson before the closing of the meeting. The meeting shall elect vote counters or supervisors upon the Chairperson's proposal. The number of members of the vote-counting committee shall be decided by the General Meeting of Shareholders based on the Chairperson's proposal.

b. Shareholders, authorized representatives of organizational shareholders, or proxies who arrive after the opening of the meeting have the right to register immediately and subsequently participate and vote at the meeting right after registration. The Chairperson is not responsible for pausing the meeting to allow latecomers to register, and the validity of any contents previously voted on shall remain unchanged.

2. The election of the Chairperson, Secretary, and the Counting Committee is regulated as follows:

a. The Chairperson of the Board of Directors shall act as the Chairperson or authorize another member of the Board of Directors to act as the Chairperson of the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. In the event that the Chairperson is absent or temporarily unable to work, the remaining members of the Board of Directors shall elect one person among them to act as the Chairperson of the meeting based on the majority principle. If a Chairperson cannot be elected, the Head of the Supervisory Board shall lead the meeting so that the General Meeting of Shareholders can elect a Chairperson from among the attendees, and the person with the highest number of votes shall act as the Chairperson;

b. Except for the cases specified in point a of this Clause, the person who signed the notice to convene the General Meeting of Shareholders shall lead the meeting so that the General Meeting of Shareholders can elect a Chairperson, and the person with the highest number of votes shall act as the Chairperson;

c. The Chairperson shall appoint one or several persons to act as the Secretary of the meeting;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or several persons to the Counting Committee based on the proposal of the Chairperson.

3. The agenda and content of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders during the opening session. The agenda must specify clearly and in detail the time allotted for each matter in the meeting program.

4. The Chairperson has the right to implement necessary and reasonable measures to conduct the General Meeting of Shareholders in an orderly manner, consistent with the approved agenda, and reflecting the wishes of the majority of attendees.

- a. Arranging seating at the meeting venue;
- b. Ensuring the safety of everyone present at the meeting venues;
- c. Facilitating the participation (or continued participation) of shareholders in the meeting. The person convening the meeting has the full right to change the above measures and apply all necessary measures. These measures may include issuing entry permits or using other forms of selection.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter in the agenda. Voting shall be conducted by voting in favor, against, or abstaining. The results of the vote counting shall be announced by the Chairperson immediately before the closing of the meeting.

6. Shareholders or proxies who arrive after the opening of the meeting are still entitled to register and have the right to vote immediately after registration; in this case, the validity of any contents previously voted on shall remain unchanged.

7. The person convening the meeting or the Chairperson of the General Meeting of Shareholders has the following rights:

- a. To require all attendees to undergo inspection or other legal and reasonable security measures;
- b. To request competent authorities to maintain order at the meeting; to expel from the General Meeting of Shareholders those who fail to comply with the Chairperson's direction, intentionally disrupt order, obstruct the normal progress of the meeting, or fail to comply with security inspection requirements.

8. The Chairperson has the right to adjourn a General Meeting of Shareholders for which there is a sufficient number of registered attendees for a maximum of no more than three (03) working days from the scheduled opening date, and may only adjourn the meeting or change the meeting venue in the following cases:

- a. The meeting venue does not have sufficient convenient seating for all attendees;
- b. The communication facilities at the meeting venue do not ensure that shareholders can participate, discuss, and vote;
- c. There is interference or disruption by attendees, posing a risk that the meeting may not be conducted in a fair and lawful manner.

9. In the event that the Chairperson adjourns or suspends a General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person from among the attendees to replace the Chairperson and moderate the meeting until its conclusion; all resolutions approved at such a meeting shall be valid and effective.

10. In the event that the Corporation applies modern technology to organize the General Meeting of Shareholders via online meetings, the Corporation is responsible for ensuring that shareholders can attend and vote through electronic voting or other electronic forms in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government providing detailed regulations for the implementation of several articles of the Law on Securities.

Article 19. Conditions for the Approval of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following contents shall be approved if they receive affirmative votes from shareholders representing 65% or more of the total voting shares of all attendees who

participate and vote at the meeting, except for cases specified in Clauses 3, 4, and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

- a. Classes of shares and the total number of shares of each class;
- b. Changes in business lines and sectors;
- c. Changes in the organizational management structure of the Corporation;
- d. Investment projects or the sale of assets valued at 35% or more of the total asset value recorded in the most recent financial statements of the Corporation;
- d. Reorganization or dissolution of the Corporation.

2. Other resolutions shall be approved when they receive affirmative votes from shareholders owning more than 50% of the total voting shares of all attendees who participate and vote at the meeting, except for the cases specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6, Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Resolutions of the General Meeting of Shareholders passed by 100% of the total voting shares are lawful and effective even if the sequence and procedures for convening the meeting and approving such resolutions violate the provisions of the Law on Enterprises and the Corporation's Charter.

Article 20. Authority and Procedures for Collecting Written Opinions of Shareholders to Approve Decisions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for collecting written opinions of shareholders to approve decisions of the General Meeting of Shareholders shall be implemented in accordance with the following regulations:

1. The Board of Directors has the right to collect written opinions of shareholders to approve decisions of the General Meeting of Shareholders at any time if deemed necessary for the interests of the Corporation, including the matters specified in Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises;

2. The Board of Directors must prepare the opinion forms, the draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and the documents explaining the draft resolution, and send them to all voting shareholders at least ten (10) days before the deadline for returning the opinion forms. The requirements and methods for sending the opinion forms and accompanying documents shall be implemented in accordance with the provisions of Clause 3, Article 16 of this Charter;

3. The opinion form must contain the following primary contents:

- a. Name, head office address, and enterprise code;
- b. Purpose of collecting opinions;
- c. Full name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; name, enterprise code or legal document number, and head office address for organizational shareholders; or full name, contact address, nationality, and legal document number for the representative of organizational shareholders; the number of shares of each class and the number of voting shares of the shareholder;
- d. Matters being consulted for the approval of a decision;
- e. Voting options, including in favor, against, and abstaining for each matter being consulted;
- f. Deadline for returning the completed opinion form to the Corporation;
- g. Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Shareholders may return their completed opinion forms to the Corporation via mail, fax, or email in accordance with the following regulations:

a. In the case of mailing: The completed opinion form must bear the signature of the individual shareholder, or the authorized representative/legal representative of the organizational shareholder. The opinion form sent to the Corporation must be placed in a sealed envelope, and no one is permitted to open it before the vote counting;

b. In the case of fax or email: The opinion form sent to the Corporation must be kept confidential until the time of vote counting;

c. Invalidity: Any opinion forms returned to the Corporation after the deadline specified in the form, or those opened (in the case of mail) or disclosed (in the case of fax or email) prematurely, shall be considered invalid. Opinion forms that are not returned shall be deemed as not participating in the voting.

5. The Board of Directors shall count the votes and prepare a minutes of vote counting under the supervision of the Supervisory Board or shareholders who do not hold management positions in the Corporation. The minutes of vote counting must contain the following primary contents:

a. Name, head office address, and enterprise code;

b. Purpose and matters being consulted for the approval of the resolution;

c. The number of shareholders and total voting shares participating in the voting, distinguishing between valid and invalid votes and the method of submission, accompanied by an appendix listing the participating shareholders;

d. Total number of votes in favor, against, and abstaining for each matter;

e. Approved matters and their corresponding voting ratios;

f. Full names and signatures of the Chairperson of the Board of Directors, the vote counters, and the vote counting supervisors.

The members of the Board of Directors, vote counters, and vote counting supervisors shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of the minutes of vote counting; and shall be jointly liable for any damages arising from decisions approved due to dishonest or inaccurate vote counting.

6. The minutes of vote counting must be sent to shareholders within fifteen (15) days from the date the vote counting concludes. Sending the minutes may be substituted by posting it on the Corporation's website within twenty-four (24) hours from the time the vote counting concludes.

7. Completed opinion forms, minutes of vote counting, approved resolutions, and relevant documents attached to the opinion forms must be archived at the Corporation's head office.

8. A resolution approved via written opinions must be favored by shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all voting shareholders and shall have the same validity as a resolution approved at a General Meeting of Shareholders.

Article 21. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be tape-recorded or recorded and archived in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese and may additionally be prepared in a foreign language, containing the following primary contents:

a. Name, head office address, and enterprise code;

b. Time and venue of the General Meeting of Shareholders;

c. Meeting agenda and contents;

d. Full names of the Chairperson and Secretary;

- e. Summary of the meeting proceedings and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders on each matter in the agenda;
 - f. Number of shareholders and the total number of voting shares of the attending shareholders; an appendix listing the registered shareholders and their representatives attending the meeting, with their respective number of shares and voting shares;
 - g. Total number of votes for each matter, clearly specifying the voting method, the total number of valid and invalid votes, votes in favor, against, and abstentions; and their corresponding percentages relative to the total number of votes of attending shareholders;
 - h. Matters approved and their corresponding percentages of affirmative votes;
 - i. Full names and signatures of the Chairperson and Secretary. In the event that the Chairperson or Secretary refuses to sign the minutes, such minutes shall be valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and containing all contents required in this Clause. The minutes must clearly state the refusal of the Chairperson or Secretary to sign;
 - k. Minutes prepared in Vietnamese and a foreign language shall have equal legal validity. In case of any discrepancy between the Vietnamese and the foreign language versions, the Vietnamese version shall prevail.
2. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the conclusion of the meeting. The Chairperson and Secretary, or other persons signing the minutes, shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.
3. Resolutions, Minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix listing registered shareholders with their signatures, powers of attorney to attend the meeting, all documents attached to the Minutes (if any), and relevant documents attached to the meeting invitation notice must be disclosed in accordance with the law on information disclosure on the securities market and must be archived at the Corporation's head office.

Article 22. Request for Cancellation of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of vote counting results, a shareholder or a group of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a Court or Arbitration to consider and cancel a resolution or part of the content of a resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The sequence and procedures for convening the meeting and issuing decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Law on Enterprises and the Corporation's Charter, except for the case specified in Clause 3, Article 19 of this Charter;
2. The content of the resolution violates the law or the Corporation's Charter.

CHAPTER VII. THE BOARD OF DIRECTORS

Article 23. Nomination and Candidacy for the Board of Directors

1. In the event that candidates for the Board of Directors have been identified, the Corporation must disclose information related to the candidates at least ten (10) days before the opening date of the General Meeting of Shareholders on the Corporation's website so that shareholders can study these candidates before voting. Candidates must

provide a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of their disclosed personal information and commit to performing their duties honestly, prudently, and in the best interests of the Corporation if elected. Disclosed information includes:

- a. Full name, date of birth;
 - b. Professional qualifications;
 - c. Working history;
 - d. Other management positions (including Board positions in other companies);
 - d. Interests related to the Corporation and its related parties;
 - e. Other information (if any) as prescribed by the Corporation's Charter;
 - g. The Corporation is responsible for disclosing information about companies in which the candidate holds a Board membership, other management positions, and any interests related to those companies.
2. Shareholders holding ordinary shares have the right to aggregate their voting rights to nominate candidates. A shareholder or a group of shareholders holding from 10% to less than 20% of the voting shares may nominate one (01) member; from 20% to less than 30% may nominate two (02) members; from 30% to less than 40% may nominate three (03) members; from 40% to less than 50% may nominate four (04) members; and from 50% or more may nominate the full number of members.
 3. If the number of candidates through nomination and candidacy remains insufficient as required by the General Meeting of Shareholders, the incumbent Board of Directors may introduce additional candidates or organize nominations in accordance with the Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and the Operational Regulations of the Board of Directors. Such introduction must be clearly announced before the voting process.
 4. Members of the Board of Directors must satisfy the criteria and conditions stipulated in Clauses 1 and 2, Article 155 of the Law on Enterprises; Article 275 of Decree 155/2020/ND-CP; and as amended/supplemented by Clause 78, Article 1 of Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025.
 5. A member of the Board of Directors may concurrently serve as a Board member for a maximum of five (05) other companies.

Article 24. Composition and Term of Office of Board Members

1. The number of Board members is five (05) persons.
2. The term of office shall not exceed five (05) years and members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only be elected as an Independent Board Member for a maximum of two (02) consecutive terms.
3. Composition: There must be at least one (01) non-executive member and one (01) independent member.
4. Membership status is lost if the member is dismissed, discharged, or replaced by the General Meeting of Shareholders under Article 160 of the Law on Enterprises.

Article 25. Powers and Obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Corporation, having full authority in the name of the Corporation to decide and exercise the rights and obligations of the Corporation, except for those within the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. Specific powers and obligations include:

- a. Deciding on strategies, medium-term development plans, and annual business plans;
 - b. Recommending the classes of shares and total authorized shares to be offered;
 - i. Electing, dismissing, or discharging the Chairperson; appointing, dismissing, signing/terminating contracts with the General Director and other managers; deciding on their salaries, remuneration, and benefits;
 - k. Deciding on the organizational structure, internal management regulations, and the establishment of subsidiaries or branches.
3. The Board must report its performance results to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP.

Article 26. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits

1. The Corporation has the right to pay remuneration and bonuses based on business performance and efficiency.
2. Remuneration is calculated based on the necessary working days and the daily rate. The total amount is decided by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.
3. Remuneration is recorded as business expenses and must be presented as a separate item in the annual financial statements.
4. Additional remuneration may be paid for executive roles or work in sub-committees.
5. Board members are entitled to reimbursement for travel, accommodation, and other reasonable expenses incurred while performing their duties.
6. Liability insurance may be purchased for Board members upon approval by the General Meeting of Shareholders, excluding liability related to violations of the law or the Charter.

Article 27. Chairperson of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or discharged by the Board of Directors from among its members.
2. The Chairperson of the Board of Directors shall not concurrently serve as the General Director.
3. The Chairperson of the Board of Directors has the following rights and obligations:
 - a. To establish the programs and operational plans of the Board of Directors;
 - b. To prepare the agenda, contents, and documents for meetings; to convene, preside over, and act as the Chairperson of meetings of the Board of Directors;
 - c. To organize the approval of resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - d. To supervise the implementation process of the Board of Directors' resolutions and decisions;
 - d. To act as the Chairperson of the General Meeting of Shareholders;
 - e. Other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises.
4. In the event that the Chairperson of the Board of Directors submits a resignation or is dismissed or discharged, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of receipt of the resignation letter or the date of dismissal/discharge.
5. In the event that the Chairperson of the Board of Directors is absent or unable to perform their duties, they must authorize another member in writing to exercise the rights and obligations of the Chairperson. If no one is authorized or if the Chairperson is deceased, missing, detained, serving an imprisonment sentence, serving administrative handling measures at a compulsory detoxification center or compulsory educational establishment,

absconding from their residence, has restricted or lost civil act capacity, has difficulties in cognition or behavior control, or is banned by the Court from holding certain positions, practicing certain occupations, or doing certain jobs, the remaining members shall elect one person among them to hold the position of Chairperson of the Board of Directors based on the majority principle of the remaining members until a new decision is issued by the Board of Directors.

Article 28. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected in the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the date of completion of the Board's election. This meeting shall be convened and presided over by the member who received the highest number of votes or the highest voting ratio. If more than one member holds the same highest number of votes or voting ratio, the members shall elect one person among them to convene the Board meeting based on the majority principle.
2. The Board of Directors must meet at least once every quarter and may hold extraordinary meetings.
3. The Chairperson of the Board of Directors must convene a Board meeting when requested by any of the following:
 - a. A proposal from the Supervisory Board or an Independent Board Member;
 - b. A proposal from the General Director or at least five (05) other managers;
 - c. At least two (02) members of the Board of Directors.
4. The proposals specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, clearly stating the purpose, matters to be discussed, and decisions within the Board's authority.
5. The Chairperson must convene the Board meeting within seven (07) working days from the date of receipt of the proposal. If the Chairperson fails to convene the meeting as requested, they shall be liable for any damages caused to the Corporation; and the proposer(s) shall have the right to convene the meeting in place of the Chairperson.
6. The Chairperson or the convener must send the notice of the meeting at least three (03) working days before the meeting date. The notice must specify the time, venue, agenda, matters for discussion, and decisions. It must be accompanied by meeting documents and voting slips. The notice may be sent via invitation letter, telephone, fax, or electronic means, ensuring it reaches the registered contact address of each Board member.
7. The Chairperson or the convener must send the meeting notice and accompanying documents to the members of the Supervisory Board in the same manner as to the Board members. Members of the Supervisory Board have the right to attend Board meetings and participate in discussions but do not have the right to vote.
8. A Board meeting shall be conducted if three-quarters (3/4) or more of the total members are present. If the first meeting fails to reach the required quorum, a second meeting shall be convened within seven (07) days from the first scheduled date. In this case, the meeting shall proceed if more than half of the Board members are present.
9. A Board member is considered to have attended and voted in the following cases:
 - a. Attending and voting in person at the meeting;
 - b. Authorizing another person to attend and vote as prescribed in Clause 11 of this Article;
 - c. Attending and voting via online conference, electronic voting, or other electronic forms;
 - d. Sending a voting slip to the meeting via mail, fax, or email.

10. If sending a voting slip via mail, it must be placed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson at least one (01) hour before the opening of the meeting. Voting slips shall only be opened in the presence of all attendees.

11. Board members must attend all meetings. A member may authorize another person to attend and vote if approved by a majority of the Board members.

12. Resolutions and decisions of the Board of Directors shall be approved if favored by a majority of the attending members; in the event of a tie, the final decision shall belong to the side with the Chairperson's opinion.

Article 29. Sub-committees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish sub-committees to be in charge of development policies, personnel, remuneration, internal audit, and risk management. The number of members in a sub-committee shall be decided by the Board of Directors with a minimum of three (03) persons, including Board members and external members. Independent Board members/Non-executive Board members should make up the majority of the sub-committee, and one of these members shall be appointed as the Head of the sub-committee by a decision of the Board of Directors. The activities of the sub-committees must comply with the regulations of the Board of Directors. A resolution of a sub-committee shall only take effect when it is approved by a majority of the members attending and voting at the sub-committee meeting.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors or its sub-committees must be consistent with the current legal regulations, the Corporation's Charter, and the Internal Regulations on Corporate Governance.

Article 30. Person in charge of Corporate Governance

1. The Board of Directors of the Corporation must appoint at least one (01) person in charge of Corporate Governance to support corporate governance activities at the enterprise. The person in charge of Corporate Governance may concurrently serve as the Corporation Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. The person in charge of Corporate Governance must not concurrently work for an approved auditing firm that is performing audits of the Corporation's financial statements.

3. The Board of Directors may dismiss the person in charge of Corporate Governance when necessary, provided that such dismissal is not contrary to current labor laws.

4. The person in charge of Corporate Governance has the following rights and obligations:

a. Advising the Board of Directors on organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and related matters between the Corporation and shareholders;

b. Preparing for meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders at the request of the Board of Directors or the Supervisory Board;

c. Advising on meeting procedures;

d. Attending meetings;

e. Advising on the procedures for drafting resolutions of the Board of Directors in accordance with the law;

f. Providing financial information, copies of minutes of Board meetings, and other information to members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

g. Supervising and reporting to the Board of Directors on the Corporation's information disclosure activities;

h. Maintaining information confidentiality in accordance with the law and the Corporation's Charter;

- i. Acting as a liaison point with stakeholders;
- j. Other rights and obligations as prescribed by law and the Corporation's Charter.

CHAPTER VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 31. Management Organization

The management system of the Corporation must ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the daily business operations of the Corporation. The Corporation shall have one (01) General Director, Deputy General Directors, one (01) Chief Accountant, and other management positions appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal, and discharge of the aforementioned positions must be approved via resolutions of the Board of Directors.

Article 32. Executives of the Corporation

1. The Executives of the Corporation include the General Director, Deputy General Directors, and the Chief Accountant.
2. Upon the proposal of the General Director and the approval of the Board of Directors, the Corporation may recruit other executives with the quantity and qualifications suitable for the management structure and regulations of the Corporation as prescribed by the Board of Directors. Executives of the enterprise are responsible for supporting the Corporation in achieving its operational and organizational goals.
3. The General Director shall be paid salary and bonuses. The salary and bonuses of the General Director shall be decided by the Board of Directors.
4. Salaries of the executives shall be recorded as business expenses of the Corporation in accordance with the law on corporate income tax, presented as a separate item in the annual financial statements of the Corporation, and reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

Article 33. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the General Director

The Board of Directors shall appoint one (01) member of the Board of Directors or another person as the General Director.

The General Director is the person who manages the daily business operations of the Corporation; is subject to the supervision of the Board of Directors and the Supervisory Board; and is accountable to the Board of Directors and before the law for the exercise of delegated rights and obligations.

The term of office of the General Director shall not exceed five (05) years and may be re-appointed for an unlimited number of terms. The General Director must not be a person prohibited by law from holding this position and must satisfy the criteria and conditions prescribed by law and the Corporation's Charter.

The General Director has the following rights and obligations:

- a. Deciding on matters related to the daily business operations of the Corporation that do not fall under the authority of the Board of Directors;
- b. Organizing the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
- c. Organizing the implementation of the business plan and investment schemes of the Corporation;
- d. Recommending plans for the organizational structure and internal management regulations of the Corporation;
- e. Appointing, dismissing, and discharging management positions within the Corporation, except for those within the authority of the Board of Directors;

- f. Deciding on salaries and other benefits for employees of the Corporation, including managers within the General Director's appointing authority;
- g. Recruiting labor;
- h. Recommending plans for dividend payment or handling business losses;
- i. Other rights and obligations as prescribed by law.

The Board of Directors may dismiss the General Director when a majority of the voting Board members attending the meeting approve, and appoint a new General Director as a replacement.

CHAPTER IX. THE SUPERVISORY BOARD

Article 34. Nomination and Candidacy for the Supervisory Board

1. In the event that candidates for the Supervisory Board have been identified, the Corporation must disclose information related to the candidates at least ten (10) days before the opening date of the General Meeting of Shareholders on the Corporation's website so that shareholders can study these candidates before voting. Candidates for the Supervisory Board must provide a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of their disclosed personal information and commit to performing their duties honestly, prudently, and in the best interests of the Corporation if elected. Disclosed information includes:

- a. Full name, date of birth;
- b. Professional qualifications;
- c. Working history;
- d. Other management positions (including Supervisory Board positions in other companies);
- d. Interests related to the Corporation and its related parties;
- e. Other information (if any) as prescribed by the Corporation's Charter;
- g. The Corporation is responsible for disclosing information about companies in which the candidate holds a Supervisory Board membership, other management positions, and any interests related to those companies.

2. Shareholders holding ordinary shares have the right to aggregate their voting rights to nominate candidates for the Supervisory Board. A shareholder or a group of shareholders holding from 10% to less than 30% of the voting shares may nominate one (01) member; from 30% to less than 50% may nominate two (02) members; and from 50% or more may nominate three (03) members.

3. If the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and candidacy is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with the Corporation's Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and the Operational Regulations of the Supervisory Board. Such introduction of additional candidates by the incumbent Supervisory Board must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Supervisory Board in accordance with the law.

Article 35. Composition of the Supervisory Board

The number of members of the Supervisory Board of the Corporation is three (03) persons. The term of office shall not exceed five (05) years and members may be re-elected for an unlimited number of terms.

Members of the Supervisory Board must satisfy the criteria and conditions stipulated in Article 169 of the Law on Enterprises and the Corporation's Charter, and must not fall under the following cases:

- a. Working in the accounting or finance departments of the Corporation;

b. Being a member or employee of the independent auditing firm that performed audits of the Corporation's financial statements for the three (03) consecutive preceding years.

A member of the Supervisory Board shall be **dismissed** in the following cases:

- a. No longer satisfying the criteria and conditions specified in Clause 2 of this Article;
- b. Submitting a resignation letter which is subsequently approved;
- c. Other cases as prescribed by law and this Charter.

A member of the Supervisory Board shall be **discharged** in the following cases:

- a. Failing to complete assigned duties or tasks;

- b. Failing to exercise their rights and obligations for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;

- c. Committing serious or repeated violations of the obligations of a Supervisory Board member as prescribed by the Law on Enterprises and the Corporation's Charter;
- d. Under a resolution of the General Meeting of Shareholders;
- e. Other cases as prescribed by law and this Charter.

In the event that the terms of office of all members end simultaneously but the new members have not yet been elected, the existing members shall continue to perform their rights and obligations until the new members are elected and take over their duties.

Article 36. Head of the Supervisory Board

The Head of the Supervisory Board shall be elected by the Supervisory Board from among its members; the election, dismissal, or discharge shall be based on the majority principle. More than half of the members must be permanent residents of Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a major related to the enterprise's business activities.

Rights and obligations of the Head of the Supervisory Board:

- a. To convene meetings of the Supervisory Board;
- b. To request the Board of Directors, General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Supervisory Board;
- c. To prepare and sign the reports of the Supervisory Board, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Rights and Obligations of the Supervisory Board

The Supervisory Board has the rights and obligations stipulated in Article 170 of the Law on Enterprises and the following:

Proposing and recommending to the General Meeting of Shareholders: (i) to approve the list of "approved auditing organizations" to audit the Corporation's Financial Statements; (ii) to decide on an "approved auditing organization" to inspect the Corporation's activities; (iii) to dismiss approved auditors when deemed necessary.

Being accountable to shareholders for its supervisory activities.

Monitoring the financial situation of the Corporation and the legal compliance of Board members, the General Director, and other managers.

Ensuring coordination with the Board of Directors, the General Director, and shareholders.

Upon detecting any violation of the law or the Charter by a Board member, the General Director, or other executives, the Supervisory Board must notify the Board of Directors in

writing within 48 hours, demanding the violator to cease the violation and provide remedial measures.

Drafting the Operational Regulations of the Supervisory Board and submitting them to the General Meeting of Shareholders for approval. ... *Items 7 to 10 contain similar provisions on the right to access records and request information*

Article 38. Meetings of the Supervisory Board

The Supervisory Board must meet at least twice (02) a year, with a quorum of at least two-thirds (2/3) of its members. Minutes must be prepared in detail and clearly, and signed by the secretary and all attending members to determine individual accountability.

The Supervisory Board has the right to request Board members, the General Director, and representatives of the approved auditing firm to attend and clarify necessary matters.

Article 39. Salaries, Remuneration, Bonuses, and Other Benefits

Salaries and benefits are decided by the General Meeting of Shareholders, which also approves the annual operating budget of the Supervisory Board.

Members are entitled to reimbursement for reasonable expenses (meals, accommodation, travel, independent consultancy services) within the approved annual budget.

3. Salaries and operating expenses of the Supervisory Board shall be recorded as business expenses of the Corporation in accordance with the law on corporate income tax and other relevant legal regulations, and must be presented as a separate item in the annual financial statements of the Corporation.

CHAPTER X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE SUPERVISORY BOARD, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Article 40. Duty of Care

Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and other executives are responsible for performing their duties, including duties as members of sub-committees of the Board of Directors, in an honest and prudent manner for the best interests of the Corporation.

Article 41. Duty of Loyalty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and other managers must disclose their related interests in accordance with the Law on Enterprises and relevant legal documents.

2. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, other managers, and their related persons may only use information obtained through their positions to serve the interests of the Corporation.

3. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and other managers are obligated to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing of transactions between the Corporation, its subsidiaries, or other companies in which the Corporation controls 50% or more of the charter capital, and themselves or their related persons as prescribed by law. For transactions approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Corporation must disclose information regarding these resolutions in accordance with securities laws on information disclosure.

4. A member of the Board of Directors shall not vote on transactions that bring benefits to that member or their related persons as prescribed by the Law on Enterprises and the Corporation's Charter.

5. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, other managers, and their related persons must not use or disclose internal information to others to conduct related transactions.

6. The General Director must not be a related person of any enterprise manager or Supervisor of the Corporation or the parent company, or a representative of state capital, or a representative of the enterprise's capital at the Corporation or the parent company, as prescribed in Point d, Clause 46, Article 4 of the Law on Securities.

7. Transactions between the Corporation and one or more members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, other executives, and their related individuals or organizations shall not be void in the following cases:

a. For transactions with a value less than or equal to 35% of the total asset value recorded in the most recent financial statements: The key contents of the contract or transaction, as well as the relationships and interests of the members, have been reported to and approved by the Board of Directors by a majority vote of the members who have no related interests

b. For transactions with a value greater than 35%, or transactions resulting in a transaction value arising within twelve (12) months from the date of the first transaction worth 35% or more of the total asset value: The key contents of the transaction and the relevant interests have been disclosed to shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders by the votes of shareholders who have no related interests.

Article 42. Liability for Damages and Indemnification

1. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and other executives who violate their obligations of loyalty and care, or fail to fulfill their duties, shall be liable for the damages caused by their violations.

2. The Corporation shall indemnify those who were, are, or may become a related party in complaints, lawsuits, or prosecutions (including civil and administrative cases, excluding lawsuits where the Corporation is the plaintiff) if such person is or was a member of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives performing duties under the Corporation's authorization, acting honestly and prudently for the interests of the Corporation in compliance with the law and without evidence of violating their responsibilities.

3. Indemnification expenses include judgment costs, fines, and actual expenses arising in practice (including attorney fees) when resolving these cases within the framework permitted by law. The Corporation may purchase insurance for these individuals to cover the aforementioned indemnification liabilities.

CHAPTER XI. RIGHT TO ACCESS BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY

Article 43. Right to Access Books and Records

1. Ordinary shareholders have the right to access books and records, specifically as follows:

a. Ordinary shareholders have the right to review, look up, and extract information regarding names and contact addresses in the list of voting shareholders; to request corrections of their own inaccurate information; to review, look up, extract, or photocopy the Corporation's

Charter, minutes of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

b. A shareholder or a group of shareholders owning 05% or more of the total ordinary shares has the right to review, look up, and extract the minutes book and resolutions/decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors, and other documents, except for those related to the Corporation's trade secrets and business secrets.

2. In the event that an authorized representative of a shareholder or a group of shareholders requests to access books and records, such request must be accompanied by a power of attorney from the represented shareholder or group of shareholders, or a notarized copy thereof.

3. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, and other executives have the right to access the Corporation's register of shareholders, list of shareholders, and other books and records of the Corporation for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.

4. The Corporation must archive this Charter and its amendments/supplements, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents proving ownership of assets, resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors and the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other documents as prescribed by law at its head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are notified of such storage location.

5. The Corporation's Charter must be published on the Corporation's website.

CHAPTER XII.

EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and Trade Union

1. The General Director must prepare plans for approval by the Board of Directors regarding matters related to recruitment, termination of employment, salaries, social insurance, welfare, rewards, and discipline for employees and executives.
2. The General Director must prepare plans for approval by the Board of Directors regarding matters related to the Corporation's relationship with trade unions in accordance with the best management standards, practices, and policies, as well as the practices and policies stipulated in this Charter, the Corporation's regulations, and current legal provisions.

CHAPTER XIII.

PROFIT DISTRIBUTION

Article 45. Profit Distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall decide the dividend payout level and the method of annual dividend payment from the Corporation's retained earnings.
2. The Corporation shall not pay interest on dividend payments or any payments related to a class of shares.
3. The Board of Directors may recommend to the General Meeting of Shareholders the payment of all or part of the dividends in shares (stock dividends), and the Board of Directors shall be the body implementing this decision.
4. If dividends or other payments related to a class of shares are paid in cash, the Corporation must make such payments in Vietnamese Dong (VND).

Payments may be made directly or through banks based on account details provided by shareholders. If the Corporation has transferred funds according to the details provided and the shareholder fails to receive the money, the Corporation shall not be held liable for the transferred amount. Dividend payments for shares listed/registered for trading on the Stock Exchange may be conducted through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall pass a resolution to determine a specific record date to finalize the list of shareholders. Based on that date, persons registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive dividends, interest, profit distributions, shares, notices, or other documents.

6. Other matters related to profit distribution shall be implemented in accordance with the law.

7. Fund appropriation: The Corporation shall appropriate funds (Development Investment Fund, Bonus and Welfare Fund, and other funds) in strict compliance with the law.

CHAPTER XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Article 46. Bank Accounts

1. The Corporation shall open accounts at Vietnamese banks or branches of foreign banks permitted to operate in Vietnam.
2. Subject to prior approval from competent authorities, the Corporation may open overseas bank accounts in accordance with the law where necessary.
3. All payments and accounting transactions shall be conducted through VND or foreign currency accounts at the banks where the Corporation maintains its accounts.

Article 47. Fiscal Year

The Corporation's fiscal year begins on the first day of January and ends on the 31st day of December each year. The first fiscal year begins on the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate (or business license for conditional business lines) and ends on the 31st day of December immediately following that issuance date.

Article 48. Accounting Regime

1. The accounting regime used by the Corporation is the Corporate Accounting Regime.
2. The Corporation shall maintain accounting books in Vietnamese and archive accounting records in accordance with the law on accounting and related legislation. These records must be accurate, updated, systematic, and sufficient to prove and explain the Corporation's transactions.
3. The currency unit used in accounting is Vietnamese Dong (VND). If the Corporation's economic transactions primarily arise in a foreign currency, it may select that foreign currency as its accounting currency, assuming legal responsibility for such choice and notifying the direct tax management authority.

CHAPTER XV. ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENTS, AND DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 49. Annual, Semi-annual, and Quarterly Financial Statements

1. The Corporation must prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with the law. The Corporation shall disclose the audited annual financial statements

in compliance with regulations on information disclosure in the securities market and submit them to competent state authorities.

2. Annual financial statements must include all reports, appendices, and notes as prescribed by law on corporate accounting, reflecting the Corporation's operations truthfully and objectively.

3.

4. The Corporation must prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the law on information disclosure in the securities market and submit them to competent state authorities.

Article 50. Annual Report

The Corporation must prepare and disclose an Annual Report in accordance with the legal regulations on securities and the securities market.

CHAPTER XVI.

AUDITING OF THE CORPORATION

Article 51. Auditing

1. Each year, the Corporation shall conduct internal audit activities in accordance with the audit content and plan approved by the General Director.

2. The General Meeting of Shareholders shall appoint an "approved auditing organization" or approve a list of "approved auditing organizations" and authorize the Board of Directors to select one of these entities to audit the Corporation's financial statements for the next fiscal year based on the terms and conditions agreed upon with the Board of Directors.

3. The audit report must be attached to the Corporation's annual financial statements.

4. Independent auditors performing the audit of the Corporation's financial statements are permitted to attend the General Meetings of Shareholders and are entitled to receive all notices and other information related to the General Meeting that shareholders are entitled to receive, and to express their opinions at the meeting on matters related to the audit of the Corporation's financial statements.

CHAPTER XVII.

CORPORATE SEAL

Article 52. Corporate Seal

1. The seal includes a physical seal made at a seal-engraving facility or a seal in the form of a digital signature in accordance with the law on electronic transactions.

2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form, and content of the seals of the Corporation, its branches, and representative offices (if any).

3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with current legal regulations.

CHAPTER XVIII.

TERMINATION OF OPERATIONS AND LIQUIDATION

Article 53. Dissolution of the Company

1. The Corporation may be dissolved in the following cases:

a. Under a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;

b. Revocation of the Enterprise Registration Certificate, unless otherwise provided by the Law on Tax Administration;

c. Other cases as prescribed by law.

2. The early dissolution of the Corporation shall be decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by the Board of Directors. This dissolution decision must be notified to or approved by the competent authority (if mandatory) as regulated.

Article 54. Liquidation

1. Upon the decision to dissolve the Corporation, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders, and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its own operational regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from the Corporation's employees or independent experts. All expenses related to the liquidation shall be prioritized for payment by the Corporation before other debts.

2. The Liquidation Committee is responsible for reporting to the business registration authority on its date of establishment and commencement of activities. From that moment, the Liquidation Committee shall represent the Corporation in all matters related to the liquidation before Courts and administrative authorities.

3. Proceeds from the liquidation shall be paid in the following order of priority:

- a. Liquidation expenses;
- b. Debts related to wages, séverance pay, social insurance, and other benefits of employees under the collective labor agreement and signed labor contracts;
- c. Tax debts;
- d. Other debts of the Corporation;
- e. The remaining balance after paying all debts from items (a) to (d) above shall be distributed to shareholders. Preference shares shall be prioritized for payment first.

CHAPTER XIX.

INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Article 55. Internal Dispute Resolution

1. In the event of a dispute or complaint related to the Corporation's operations, or the rights and obligations of shareholders as prescribed by the Law on Enterprises, other legal provisions, the Corporation's Charter, or regulations between:

- a. Shareholders and the Corporation;
- b. Shareholders and the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director, or other executives;

The involved parties shall endeavor to resolve such disputes through negotiation and mediation. Except for disputes involving the Board of Directors or the Chairperson of the Board of Directors, the Chairperson shall preside over the dispute resolution and require each party to present relevant information within ten (10) working days from the date the dispute arises. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the Supervisory Board to appoint an independent expert to act as a mediator for the dispute resolution process.

2. If a mediation decision is not reached within six (06) weeks (30 working days) from the commencement of the mediation process, or if the mediator's decision is not accepted by the parties, any party may refer the dispute to Arbitration or a Court.

3. Each party shall bear its own costs related to negotiation and mediation procedures. The payment of Court costs shall be implemented in accordance with the judgment of the Court.

CHAPTER XX.

SUPPLEMENTS AND AMENDMENTS TO THE CHARTER

Article 56. The Corporation's Charter

1. Any supplement or amendment to this Charter must be considered and decided by the General Meeting of Shareholders.
2. In the event that legal regulations related to the Corporation's operations are not mentioned in this Charter, or if new legal regulations differ from the provisions of this Charter, such legal regulations shall automatically apply and govern the Corporation's operations.

CHAPTER XXI. EFFECTIVE DATE

Article 57. Effective Date

1. This Charter, consisting of 21 Chapters and 57 Articles, was unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation on 28/5/2026 in Hanoi; and its full text was collectively accepted for effectiveness.
2. This Charter is prepared in ten (10) copies of equal validity, which must be archived at the Corporation's head office.
3. This Charter is the sole and official Charter of the Corporation.
4. Copies or extracts of the Corporation's Charter shall be valid only when bearing the signature of the Chairperson of the Board of Directors or at least one-half (1/2) of the total members of the Board of Directors.

LEGAL REPRESENTATIVE